

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/DS-ST
Ngày: 26/7/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lại;
- Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 769/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983;
- Chị Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 1982;

Anh H, chị T cùng nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (anh H, chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lan C trình

bày:

Bà và anh H có mối quan hệ quen biết trong làng. Bà là người cho anh H vay tiền. Bà và anh H, chị T không có quan hệ bà con ruột thịt. Bà không tổ chức hội, anh H không tham gia góp hội do bà làm chủ hội. Vào ngày 02/9/2021 âm lịch, nhằm ngày 06/10/2021 dương lịch anh H có hỏi vay bà số tiền 73.500.000 (bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng, mục đích anh H vay tiền là để chi phí cho các khoản sinh hoạt gia đình. Hai bên thỏa thuận trả theo hình thức trả góp, góp mỗi tháng 5.000.000 trong (mỗi ngày góp 170.000 đồng) trong thời hạn 20 tháng. Ngoài lần vay tiền này anh H không vay thêm của bà khoản tiền nào khác.

Khi bà cho anh H mượn tiền, thì bà có lập giấy hốt hội nội dung “bà có đăng hội cho anh H đây hui 5 triệu đồng gồm 20 phần, khai ngày 02/9/2021, anh H hốt lần thứ nhất được số tiền 73.500.000 đồng”. Chữ viết nội dung hốt hội này là do bà viết. Anh H ký tên vào mục người nhận ghi rõ họ tên Nguyễn Văn H. Toàn bộ nội dung trong giấy đăng hội là do bà viết. Nội dung ghi là giấy đăng hội nhưng thực tế là bà không tổ chức hội, không làm chủ hội, anh H không tham gia góp hội. Khoản tiền bà viết giấy đăng hội cho anh H là khoản tiền vay.

Bà và anh H thỏa thuận anh H trả gốc và lãi hàng tháng bằng hình thức trả góp mỗi ngày 170.000 đồng, mỗi tháng được 5.000.000 đồng; trong đó tiền gốc trả mỗi tháng là 3.675.000 đồng, tiền lãi là 1.325.000 đồng, tương đương lãi suất là 1,8%/tháng/số tiền vay. Lãi suất này không giảm theo số tiền gốc đã trả hàng tháng.

Từ ngày anh H vay tiền ngày 01/9/2021 âm lịch, nhằm ngày 06/10/2021 dương lịch cho đến nay anh H đã trả góp được 42.700.000 đồng trong đó bao gồm cả tiền gốc lãi. Từ tháng 3/2023 âm lịch cho đến ngày bà nộp đơn khởi kiện, anh H trả không đầy đủ, mỗi tháng trả được từ 500.000 đến 2.000.000 đồng, đến ngày 01/9/2023 dương lịch là anh H ngưng không trả tiền cho bà nên bà mới nộp đơn khởi kiện.

Bà đồng ý khấu trừ số tiền anh H đã trả cho bà là 42.700.000 đồng vào số tiền vay gốc 73.500.000 (bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Hiện nay anh H còn nợ lại bà số tiền vay gốc là 30.800.000 (ba mươi triệu tám trăm nghìn) đồng.

Anh H có vợ tên Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 1982; hiện nay chị T sống chung nhà với anh H tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Vào khoảng đầu năm 2023 dương lịch, bà không nhớ thời gian cụ thể do cần tiền chi tiêu trong gia đình nên chị T có vay của bà một lần với số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng, thời hạn vay là một tháng. Mục đích chị T vay tiền để lo các khoản chi phí sinh hoạt trong gia đình. Nhưng đến hạn chị T không trả.

Khi cho vay hai bên thoả thuận chị T góp mỗi tháng 500.000 đồng, góp 24 tháng, được tổng số tiền 12.000.000 đồng cả gốc lãi.

Từ ngày vay tiền cho đến ngày 10/4/2023 dương lịch, chị T chưa trả cho bà được khoản tiền gốc, lãi nào. Khi cho vay thì bà và chị T không lập giấy nợ, hai bên chỉ thoả thuận với nhau bằng lời nói và giao tiền. Đến khoảng tháng 4/2023 dương lịch thì chị T và bà có gặp nhau chốt lại số tiền vay. Chị T có viết cho bà giấy nợ nội dung “chị T đồng ý trả góp cho bà mỗi tháng là 500.000 đồng/tháng, góp 24 tháng được tổng số tiền là 12.000.000 đồng, bắt đầu góp từ ngày 10/4/2023 dương lịch. Toàn bộ nội dung và chữ ký trong giấy nợ của chị T là do chị T viết và ký tên.

Từ ngày 10/4/2023 dương lịch cho đến nay, chị T đã góp cho bà được 5 tháng liên tục được số tiền 2.500.000 đồng bao gồm cả gốc lãi. Đến ngày 10/8/2023 dương lịch thì chị T ngưng không trả gốc, lãi cho bà.

Bà đồng ý khấu trừ số tiền chị T đã góp là 2.500.000 đồng vào số tiền vay gốc của chị T. Hiện nay chị T còn nợ lại bà số tiền vay gốc 7.500.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung bà yêu cầu anh H, chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay gốc 66.800.000 (sáu mươi sáu triệu tám trăm nghìn) đồng và lãi suất. Nay bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị T và anh H đối với số tiền vay gốc 28.500.000 (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng. Bà chỉ yêu cầu khởi kiện buộc chị T và anh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay gốc mà anh H, chị T vay 38.300.000 (ba mươi tám triệu ba trăm nghìn) đồng và yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm/số tiền vay gốc 30.800.000 đồng tính từ ngày 01/9/2023 (dương lịch) cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm và yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm/số tiền vay gốc 7.500.000 đồng tính từ ngày 10/8/2023 (dương lịch) cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm.

Chứng cứ chứng minh là giấy mượn tiền đề ngày 10/4/2023 (dương lịch) của chị Nguyễn Thị Thảo T và giấy mượn tiền có chữ ký anh Nguyễn Văn H.

Ngoài ra chị T, anh H không có vay thêm của bà thêm khoản tiền nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thảo T đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Toà án nên không có lời khai, lời trình bày.

Tại phiên tòa: Bà C, chị T, anh H vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan C. Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thảo T có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vay gốc là 38.300.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền vay gốc 28.500.000 đồng.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: bà Nguyễn Thị Lan C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thảo T có địa chỉ tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả chị số vay gốc 38.300.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật; đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thảo T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C, anh H, chị T

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị T và anh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay gốc mà anh H, chị T vay là 38.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là 10%/năm/số tiền vay gốc 30.800.000 tính từ ngày 01/9/2023 (dương lịch) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm

và lãi suất 10%/năm/số tiền vay gốc 7.500.000 đồng tính từ ngày 10/8/2023 (dương lịch) cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm.

[3.1] Xét về chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và số tiền vay gốc theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Xét giấy hui có chữ ký anh Nguyễn Văn H do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung: H hốt hui 5.000.000 đồng, kêu 1.200.000 đồng đăng 20 phần x 38 trừ cò 2.500.000 đồng được số tiền 73.500.000 đồng, góp ngày 170.000 đồng 02/9/21 âm lịch thành 20 tháng, có chữ ký anh Nguyễn Văn H vào mục người nhận. Bà C khai quá trình giao dịch, anh H đã trả cho bà được số tiền 42.700.000 đồng (trong đó bao gồm cả gốc tiền lãi). Bà đồng ý khấu trừ số tiền gốc, lãi anh H đã trả cho bà là 42.700.000 đồng vào số tiền vay gốc 73.500.000 (bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng; số tiền vay gốc còn lại là 30.800.000 (ba mươi triệu tám trăm nghìn) đồng.

Bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H, chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay gốc mà anh H đã vay là 30.800.000 (ba mươi triệu tám trăm nghìn) và lãi suất là 10%/năm/số tiền vay gốc 30.800.000 đồng tính từ ngày 01/9/2023 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm. Quá trình giải quyết vụ án anh H không đến Toà cung cấp lời khai và chứng cứ để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ do bà C giao nộp là giấy nợ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ kết luận số tiền vay gốc của anh H còn nợ lại bà C là 30.800.000 đồng.

Xét giấy mượn tiền đề ngày 10/4/2023 (dương lịch) của chị Nguyễn Thị Thảo T thể hiện nội dung “Nguyễn Thị Thảo T có thiếu dì Chi 10.000.000 VND, xin trả 1 tháng 500.000 VND trả 24 tháng tổng 12.000.000 đồng bắt đầu ngày 10/4/2023 (DL)”. Quá trình giải quyết vụ án chị T không cung cấp lời khai và chứng cứ để phản đối lại đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do bà C cung cấp. Căn cứ lời trình bày của bà C và chứng cứ là giấy nợ do bà C cung cấp có căn cứ kết luận chị T có vay của bà C khoản tiền gốc 10.000.000 đồng. Bà C thừa nhận quá trình giao dịch chị T đã trả góp cho bà được 5 lần với số tiền 2.500.000 đồng (bao gồm cả gốc, lãi). Bà đồng ý khấu trừ số tiền chị T đã trả 2.500.000 đồng vào số tiền vay gốc của chị T. Có căn cứ kết luận chị T còn nợ lại bà C số tiền vay gốc 7.500.000 đồng.

Bà C đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh H, chị T về số tiền vay gốc 28.500.000 đồng. Việc rút đơn khởi kiện của bà C là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền vay gốc 28.500.00 đồng. Tổng cộng số tiền vay gốc anh H, chị T còn nợ lại bà C là 38.300.000 đồng.

[3.2] Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng:

Bà C thừa nhận đây không phải là tiền hui mà là khoản tiền anh H, chị T vay với hình thức trả góp. Bà không tổ chức hui, anh H cũng không tham gia góp hui. Như vậy có căn cứ chấp nhận đây là khoản tiền vay. Trong giấy nợ bà C cung cấp thể hiện anh H góp ngày 170.000 đồng thành 20 tháng như vậy mỗi tháng anh H góp được 5.100.000 đồng, nếu góp đủ 20 tháng anh H sẽ góp được 102.000.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi. Như vậy giao dịch vay mượn này giữa bà C và anh H là giao dịch có thoả thuận thời hạn trả và thoả thuận tiền lãi. Trong giấy mượn tiền đề ngày 10/4/2023 (dương lịch) của chị T ký và giấy mượn tiền đề ngày 02/9/2021 (âm lịch) của anh H ký đều ghi nhận có thoả thuận lãi suất tuy nhiên không ghi rõ mức lãi suất cụ thể, bà C khai hai bên thoả thuận mức lãi là 1,8%/tháng/số tiền vay, đây là mức lãi suất vượt quá và số tiền lãi bà C nhận bà C đồng ý khấu trừ vào tiền gốc.

Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468. Lãi suất của nguyên đơn yêu cầu là 10%/ năm không vượt quá lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

Như vậy lãi suất mà bà C yêu cầu trên số tiền vay gốc 30.800.000 tính từ ngày 01/9/2023 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2024 là:

Mỗi tháng bà C được nhận số tiền lãi là 256.667 đồng

$256.667 \times 10 \text{ tháng} = 2.566.670 \text{ đồng}$.

Lãi suất mà bà C yêu cầu trên vay gốc 7.500.000 đồng tính từ ngày 10/8/2023 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2024 là:

Mỗi tháng bà C được nhận số tiền lãi là 62.500 đồng.

$62.500 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng} = 687.500 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền lãi bà C được hưởng là: 3.254.170 đồng.

Anh H chị T là vợ chồng và khoản vay của anh H, chị T vay nhưng đều mục đích chi tiêu sinh hoạt, phục vụ cuộc sống gia đình do vậy cần buộc anh H, chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C tổng cộng số tiền gốc lãi là: 41.801.392 đồng (trong đó tiền vay gốc là 38.300.000 đồng và tiền lãi là 3.501.392 đồng).

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh H, chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan C đối với anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thảo T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thảo T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lan C số tiền 41.801.392 (bốn mươi một triệu tám trăm linh một nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng (trong đó tiền vay gốc là 38.300.000 đồng và tiền lãi là 3.501.392 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền vay gốc 28.500.000 (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Lan C không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.433.000 (một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008602 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thảo T phải chịu 2.090.069 (hai triệu không trăm chín mươi nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà C, anh H, chị T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân